

UBND TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MN NAM THANH

Số: 2024/QĐ-MNNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Thanh, ngày 15 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách
Học kỳ I, năm học 2024 – 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NAM THANH

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục từ tháng 9 đến tháng 12/2024 (Năm học 2024-2025);

Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ Về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024, năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán trường Mầm non Nam Thanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục từ tháng 9 đến tháng 12/2024 (Năm học 2024-2025).

Công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024, năm học 2024-2025;

- **Thời gian công khai:** Từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15/12/2024.
- **Hình thức công khai:** Bảng tin trường, Website trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, các tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, trưởng các đoàn thể, Bộ phận kế toán, Tổ công khai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.



Nguyễn Thị Nhân

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025 (Từ tháng 09 đến tháng 12/2024)
 Kèm theo Quyết định số /QĐ-MNNT, ngày 15 tháng 11 năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Chi tiết	Đối tượng	Tổng cộng đối tượng	Đối tượng miễn (học sinh)			Đối tượng giảm 70% (học sinh)			Đối tượng giảm 50% (học sinh)			Mức thu học phí UBND tỉnh quyết định (triệu đồng/học sinh)			Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
				Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III			
	I. Trường Mầm Non Nam Thành		121	110	2	5	0	0	4	0	0	0				18,62		
1	Đỗ Minh Hiếu	MG Lớn 1	1			1							0,040	0,030	0,025	4	0,10	
2	Hồ Gia Hưng	MG Lớn 1	1			1							0,040	0,030	0,025	4	0,10	
3	Dư Trúc Nhi	MG Lớn 2	1			1							0,040	0,030	0,025	4	0,10	
4	Vàng Quảng Minh Khang	MG Lớn 2	1			1							0,040	0,030	0,025	4	0,10	
5	Nguyễn Thảo An	MG Lớn 3	1			1							0,040	0,030	0,025	4	0,10	
6	Lý Giao Nhi	MG Nhỡ 1	1						1				0,040	0,030	0,025	4	0,07	
7	Lô Kiến Quốc	MG Nhỡ 3	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
8	Lô Việt Phúc	MG Bé 2	1						1				0,040	0,030	0,025	4	0,07	
9	Hoàng Đình Quý	MG Lớn 4	1						1				0,040	0,030	0,025	4	0,07	
10	Quảng Như Thảo	MG Lớn 4	1						1				0,040	0,030	0,025	4	0,07	
11	Lương Xuân An	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
12	Hòa Nguyễn Bảo An	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
13	Lô Hà Anh	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
14	Trần Phương Anh	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
15	Phan Thị Huyền Anh	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
16	Hoàng Ngọc Bảo Anh	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
17	Đỗ Kiều Anh	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
18	Lê Công Gia Bảo	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
19	Nguyễn Ngọc Thảo Chi	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
20	Cà Nhật Hải Đăng	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
21	Phạm Trung Dũng	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
22	Hà Phạm Hải Dương	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
23	Tào Gia Huy	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
24	Lương Quốc Khánh	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
25	Kim Thành Khôi	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
26	Trần Tuệ Lâm	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
27	Trương Nhật Minh	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
28	Đào Nhật Minh	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
29	Đào Tuệ Nhi	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
30	Nguyễn An Nhiên	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
31	Nguyễn Kim Phúc	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
32	Lù Nhã Quyên	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
33	Hoàng Thanh Thảo	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
34	Đinh Quỳnh Trâm	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
35	Quảng Ngọc Trúc	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
36	Lê Quang Vinh	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
37	Lương Huy Vũ	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
38	Nguyễn Hữu Vũ	MG Lớn 1	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
39	Nguyễn Ngọc Chi An	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
40	Trần Tuệ Anh	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
41	Nguyễn Hoàng Bách	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
42	Đỗ Phương Chi	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
43	Vi Anh Đức	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
44	Nguyễn Công Hân	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
45	Hoàng Bảo Hân	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
46	Trương Quang Hiếu	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
47	Lê Gia Huy	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
48	Nguyễn Minh Khang	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
49	Nguyễn Lê Khang	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
50	Trịnh Minh Khang	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
51	Bùi Quốc Khánh	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
52	Nguyễn Minh Khôi	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
53	Lê Trung Kiên	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
54	Sa Phúc Lâm	MG Lớn 2	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	

55	Đỗ Trúc Linh	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1													0,040	0,030	0,025	4	0,16	
56	Nguyễn Khánh Linh	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
57	Lò Thị Kim Ngân	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
58	Bùi Ngọc An Nhiên	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
59	Nguyễn Văn Phong	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
60	Phạm Hùng Phong	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
61	Quảng Minh Phúc	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
62	Nguyễn Thu Quỳnh	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
63	Lò Thị Thu Thảo	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
64	Ngô Quốc Thái	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
65	Trần Quỳnh Trâm	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
66	Lò Xuân Trường	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
67	Lê Thanh Tú	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
68	Vũ Trần Tố Uyên	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
69	Lò Nhã Uyên	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
70	Bùi Thiên Vy	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
71	Lò Minh Châu	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
72	Phạm Hạ Vy	MG Lớn 2	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
73	Lê Ngọc An	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
74	Vũ Ngọc Phúc An	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
75	Bùi Phương Anh	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
76	Lê Diệp Anh	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
77	Lê Nguyễn Nhi Anh	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
78	Lò Nhật Anh	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
79	Nguyễn Đức Anh	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
80	Trần Bảo Anh	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
81	Hà Linh Chi	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
82	Nguyễn Ngọc An Chi	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
83	Lò Ánh Dương	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
84	Hà Minh Đức	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
85	Cà Ngọc Hân	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
86	Cà Thị Gia Hân	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
87	Nguyễn Thế Khang	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
88	Trần Gia Khánh	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
89	Thâm Minh Khôi	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
90	Nguyễn Thị Nhật Lệ	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
91	Nguyễn Phúc Lộc	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
92	Đặng Nhật Minh	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
93	Nguyễn Đức Minh	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
94	Phạm Yến Ngọc	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
95	Lù An Nguyễn	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
96	Phạm Đức Nguyễn	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
97	Lò Lương Thanh Nhân	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1		1													0,040	0,030	0,025	4	0,12
98	Nguyễn Tuệ Nhi	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
99	Phạm Minh Phúc	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
100	Hoàng Như Quỳnh	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
101	Nguyễn Mạnh Thắng	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
102	Trần Diệp Thảo	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
103	Hoàng Thị Nhã Uyên	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
104	Phạm Nhã Uyên	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
105	Lò Minh Vũ	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
106	Nguyễn Ngọc Sơn	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
107	Hoàng Hải Phong	MG Lớn 3	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
108	Trần Huyền Anh	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
109	Hoàng Quốc Hữu	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1		1													0,040	0,030	0,025	4	0,12
110	Lù Thanh Giang	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
111	Lò Bảo An	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
112	Lò Hoàng Quỳnh Như	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
113	Lù Thị Hương Giang	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
114	Lương Thị Ngọc Hân	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
115	Hoàng Mạnh Hùng	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16
116	Cà Xuân Thương	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1														0,040	0,030	0,025	4	0,16

117	Lô Minh Đức	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
118	Lường Bảo Ngọc	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
119	Lô Duy Mạnh	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
120	Lường Quốc Huy	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	
121	Nguyễn Bảo Uyên	MG Lớn 4	Trẻ 5 tuổi	1	1									0,040	0,030	0,025	4	0,16	

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP TỪ THÁNG 9--> 12/2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MNNT, ngày 15 tháng 11 năm 2024)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	Lớp	Tổng cộng	Đối tượng thụ hưởng				Số tháng được hưởng	Định mức	Thành tiền	Số tài khoản	Tên NH	Tên chủ tài khoản	Mối quan hệ vs học sinh hưởng CS
				Mồ côi	Khuyết tật	Hộ nghèo	Thôn bản ĐBK, xã KV 3							
	I. Trường Mầm Non Thanh	Nam 2	1	-	1	-	10	48		7,20				
1	Đỗ Minh Hiếu	MG Lớn 1					1	4	0,150	0,60	8903205079630	Ngân hàng Agribank	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Mẹ đẻ
2	Hồ Gia Hưng	MG Lớn 1					1	4	0,150	0,60	0345786591	Ngân hàng MB	Hồ Văn Huỳnh	Bố đẻ
3	Dư Trúc Nhi	MG Lớn 2					1	4	0,150	0,60	8906205025377	Ngân hàng Agribank	Quảng Thị Thương	Mẹ đẻ
4	Vàng Quảng Minh Khang	MG Lớn 2					1	4	0,150	0,60	0896003555	Ngân hàng MB	Vàng Văn Thiên	Bố đẻ
5	Nguyễn Thảo An	MG Lớn 3					1	4	0,150	0,60	8907205039220	Ngân hàng Agribank	Lù Thị Phương Thảo	Mẹ đẻ
6	Lý Giao Nhi	MG Nhỡ 1					1	4	0,150	0,60	101878951838	Ngân hàng Vietinbank	Lò Thị Hương	Mẹ đẻ
7	Nguyễn Thanh Tùng	MG Nhỡ 2					1	4	0,150	0,60	8893582358	Ngân hàng BIDV	Quảng Thị Thoan	Mẹ đẻ
8	Lò Kiến Quốc	MG Nhỡ 3			1			4	0,150	0,60	8903205121399	Ngân hàng Agribank	Lò Thị Thu	Mẹ đẻ
9	Lò Việt Phúc	MG Bé 2					1	4	0,150	0,60	8830340238	Ngân hàng BIDV	Và Thị Hồng Mai	Mẹ đẻ
10	Hoàng Đình Quý	MG Lớn 4					1	4	0,150	0,60	8872832859	Ngân hàng BIDV	Hoàng Ngọc Sơn	Bố đẻ
11	Quảng Như Thảo	MG lớn 4					1	4	0,150	0,60	109004761407	Ngân hàng Vietinbank	Lò Thị Nguyên	Mẹ đẻ
12	Bùi Thiên Vy	MG Lớn 2			1			4	0,150	0,60	109882978127	Ngân hàng Vietinbank	Poông Thị Quý	Mẹ đẻ

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC THỤ HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP, NGÀY 08/9/2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MNNT, ngày 15 tháng 11 năm 2024)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Họ và tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền hỗ trợ/tháng	Đối tượng					Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Tên chủ tài khoản	Mối quan hệ vs học sinh hưởng CS	Ghi chú
					Cận nghèo Hộ nghèo	Con thương binh	Xã, thôn ĐBKK	Mồ côi	Khuyết tật							
<div style="text-align: center;"> </div>																
	5. Trường Mầm Non Nam Thành				0	0	4	0	0	4	17	2,72				
1	Hồ Gia Hưng	18/09/2019	MG Lớn 1	0,16			1			1	4	0,64	0345786591	Ngân hàng MB	Hồ Văn Huỳnh	Bố đẻ
2	Dư Trúc Nhi	26/11/2019	MG Lớn 2	0,16			1			1	4	0,64	8906205025377	Ngân hàng Agribank	Quảng Thị Thương	Mẹ đẻ
3	Nguyễn Thảo An	16/11/2019	MG Lớn 3	0,16			1			1	4	0,64	8907205039220	Ngân hàng Agribank	Lù Thị Phương Thảo	Mẹ đẻ
4	Bùi Thiên Vi	17/02/2019	MG Lớn 2	0,16			1			1	5	0,80	09882978127	Vietinbank	Poong Thị Quý	Mẹ đẻ



DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC THỤ HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP, NGÀY 08/9/2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MNNT, ngày 15 tháng 11 năm 2024)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Họ và tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền hỗ trợ/tháng	Đối tượng						Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Số tài khoản	Tên NH	Tên chủ tài khoản	Mối quan hệ vs học sinh hưởng CS	Ghi chú
					Cận nghèo, người có công CM	Hộ nghèo	Xã, thôn DBKK	Mô cấy	Khuyết tật	Cộng							
1. Trường MN Nam Thành					-	-	3	-	1	4	16	2,56					
1	Lý Giao Nhi	20/07/2020	MG Nhỡ 1	0,16			1			1	4	0,64	101878951838	Ngân hàng Vietinbank	Lò Thị Hương	Mẹ đẻ	
2	Lò Kiến Quốc	02/11/2020	MG Nhỡ 3	0,16					1	1	4	0,64	8903205121399	Ngân hàng Agribank	Lò Thị Thu	Mẹ đẻ	
3	Lò Việt Phúc	15/11/2021	MG Bé 2	0,16			1			1	4	0,64	8830340238	Ngân hàng BIDV	Và Thị Hồng Mai	Mẹ đẻ	
4	Quảng Như Thảo	05/03/2020	MG Lớn 4	0,16			1			1	4	0,64	109004761407	Ngân hàng Vietinbank	Lò Thị Nguyễn	Mẹ đẻ	